CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

FireAnt

CTCP Nhựa Hà Nội

Ngày 31/03/2024	18,050 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.2%	**-2.7%**	**8.4%**

DT thuần
Q1/24
445
tỷ VNĐ
QoQ: ▼69.0| -13.4%
YoY: ▼97.0| -17.9%

LN thuần
Q1/24
48.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.30| 9.7%
YoY: ▲ 7.20| 17.3%

LN sau thuế
Q1/24
40.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.30| 5.9%
YoY: ▲ 8.00| 24.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
12.1%
YoY: +/-▲ 1.5%

ROE (TTM)
Q1/24
7.5%
YoY: +/-▲ 0.3%

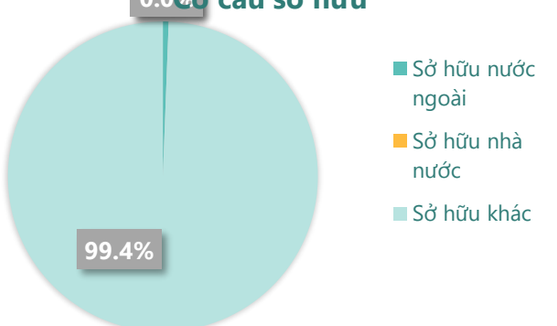
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	13,097 - 22,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,315
Số lượng CPLH (CP)	72,880,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,263,480
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	1.53
EPS	1,405
P/E	12.8

DT thuần
2023
2,039
tỷ VNĐ
YoY: ▼344| -14.4%

LN thuần
2023
117
tỷ VNĐ
YoY: ▼29.0| -19.9%

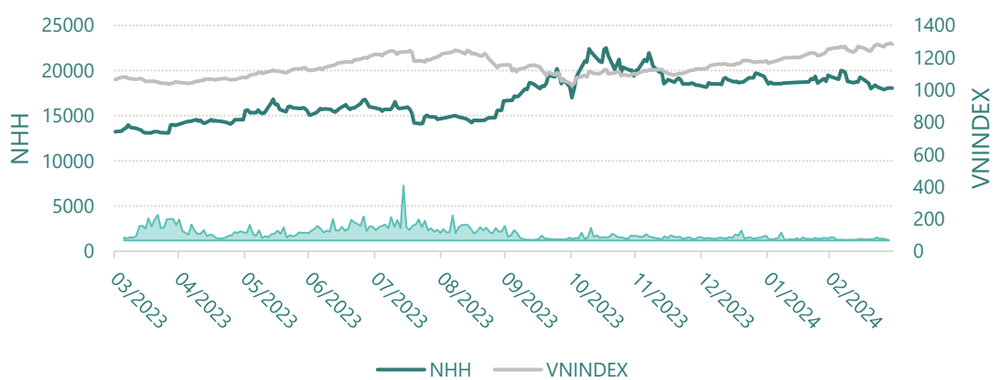
LN sau thuế
2023
96.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼15.8| -14.0%

Cơ cấu sở hữu

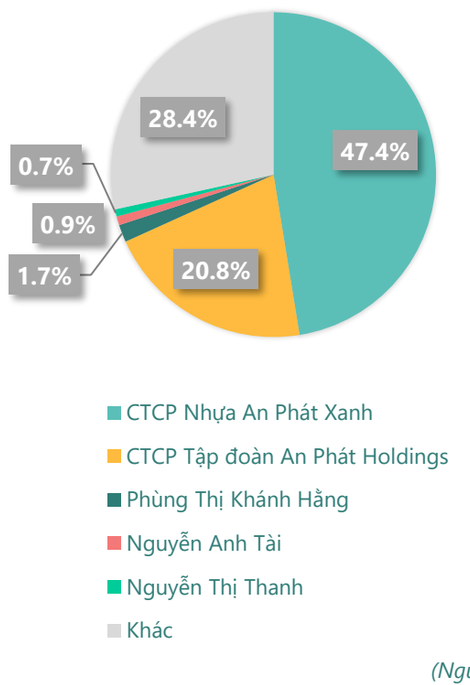


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



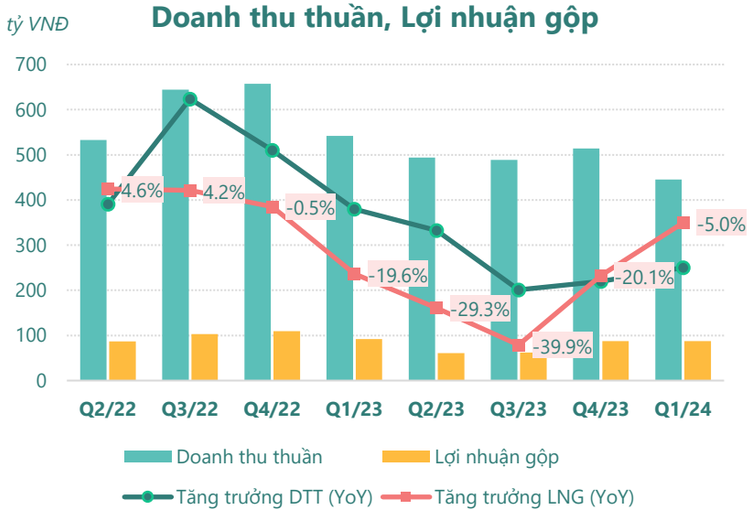
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

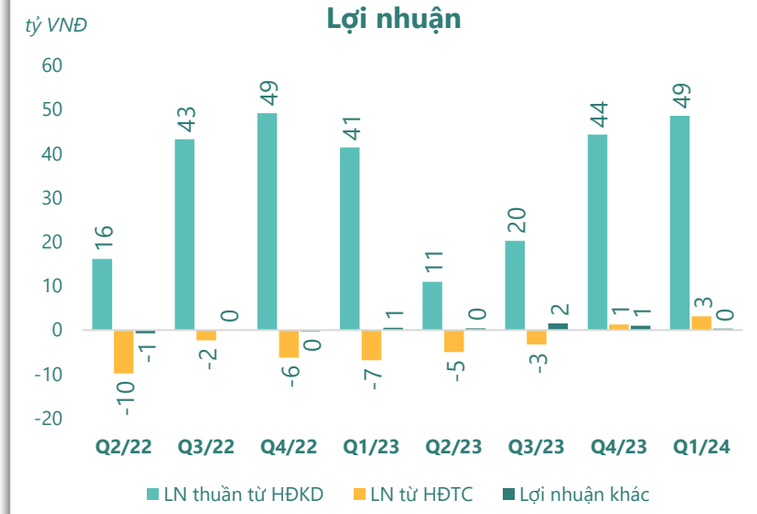
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



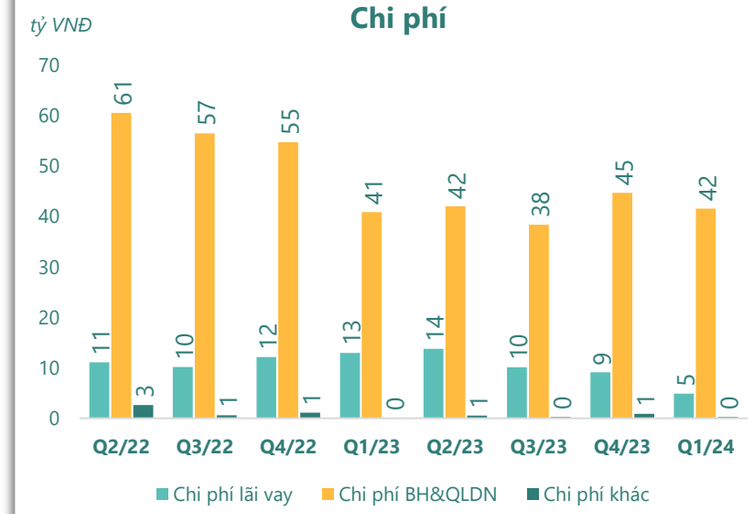
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



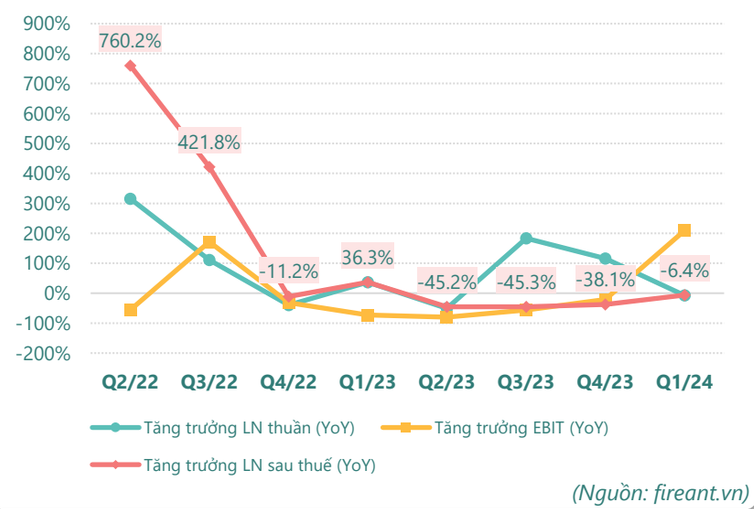
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



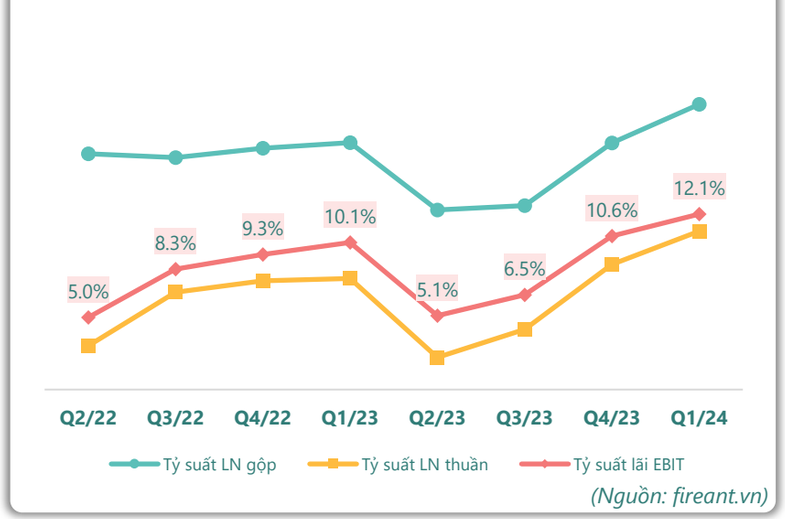
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



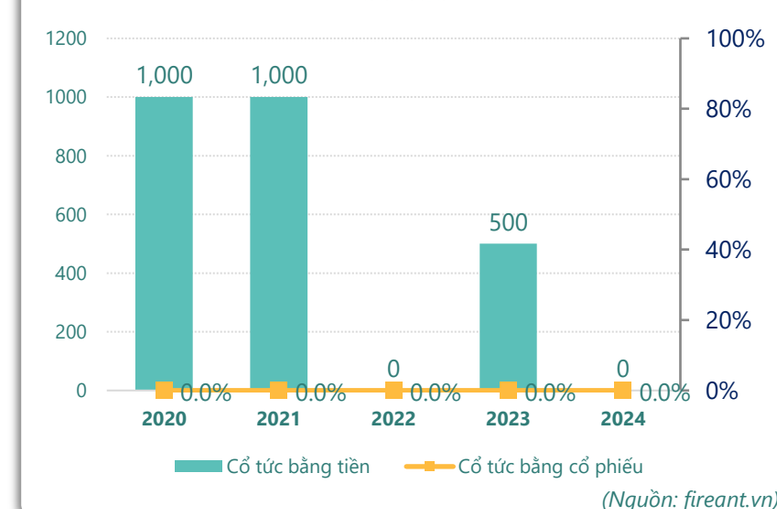
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

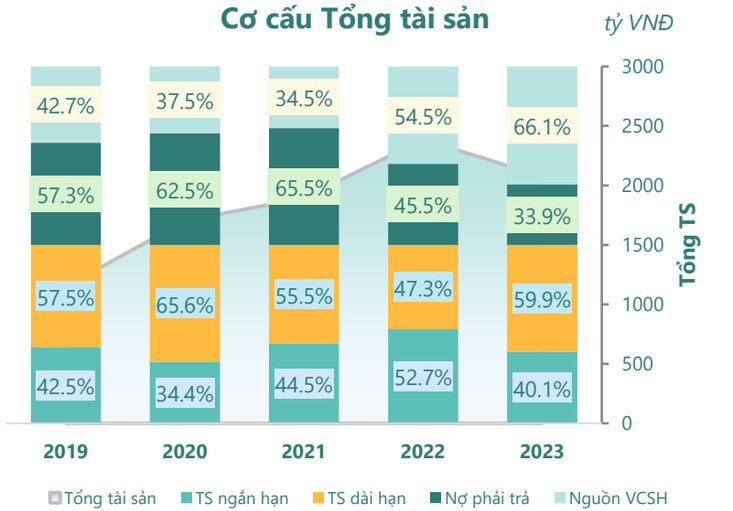
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

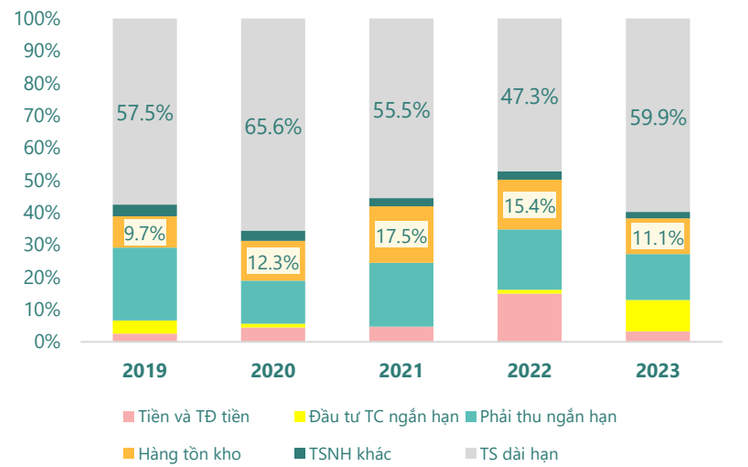
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



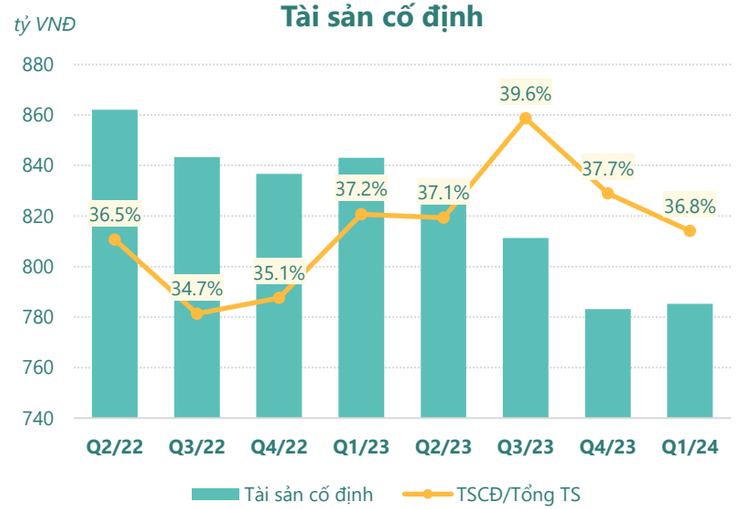
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



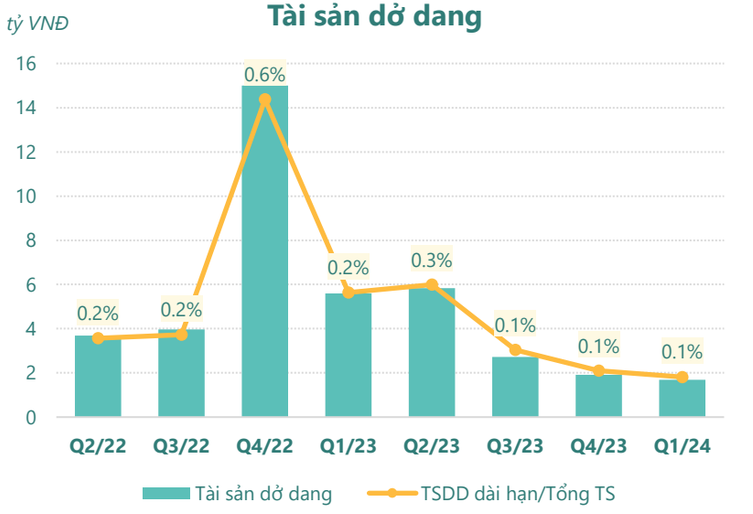
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



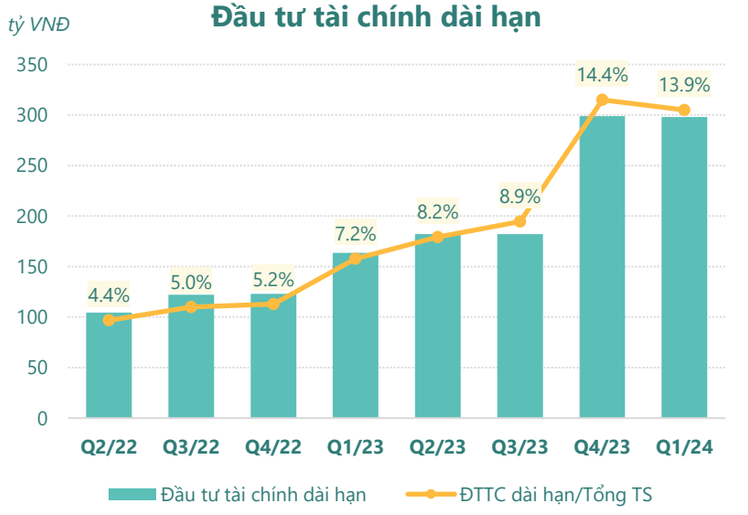
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



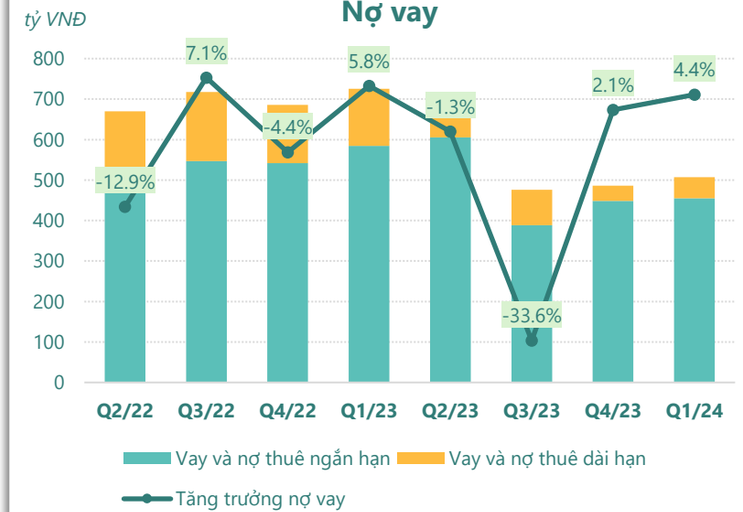
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

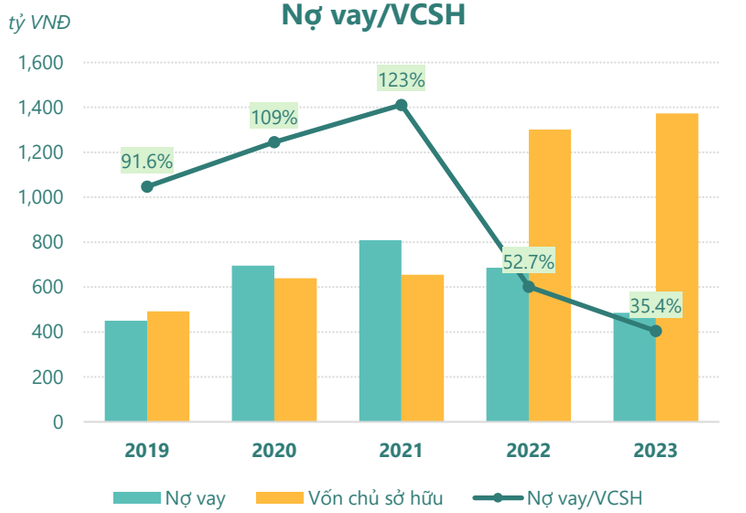
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

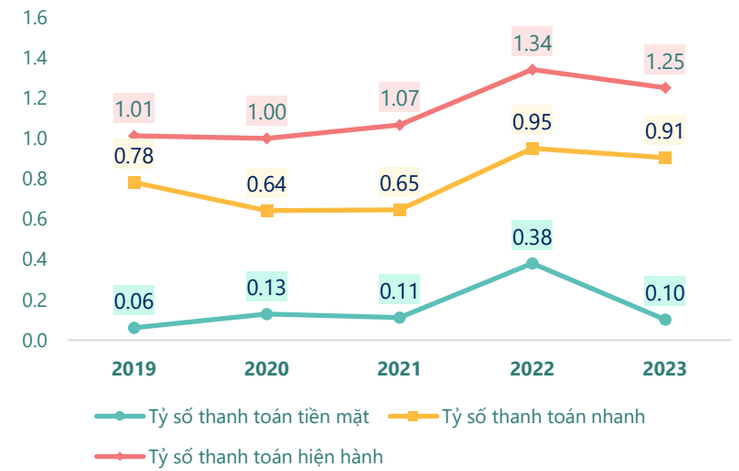
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



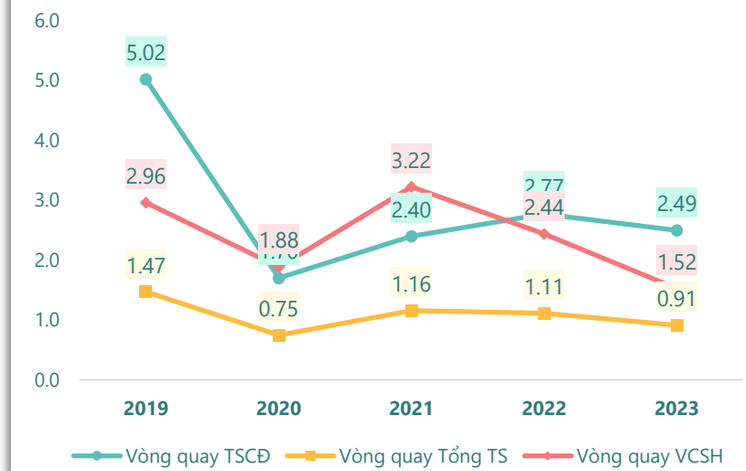
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



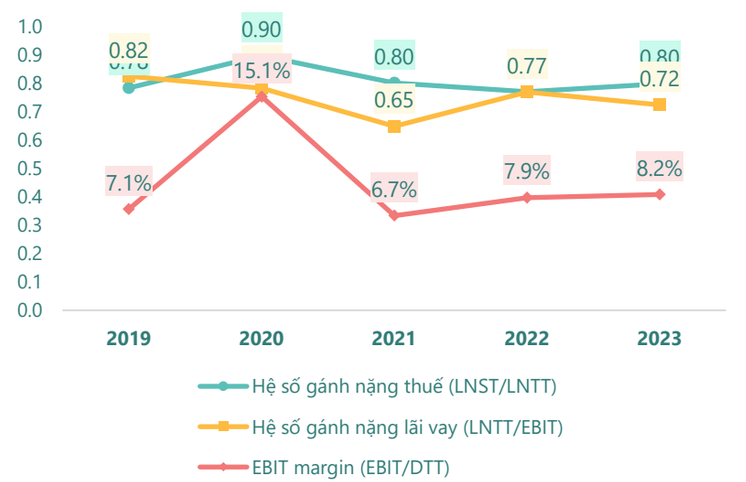
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



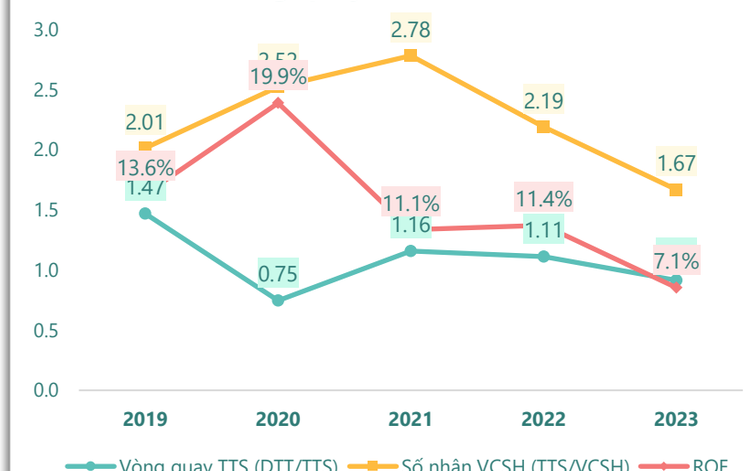
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



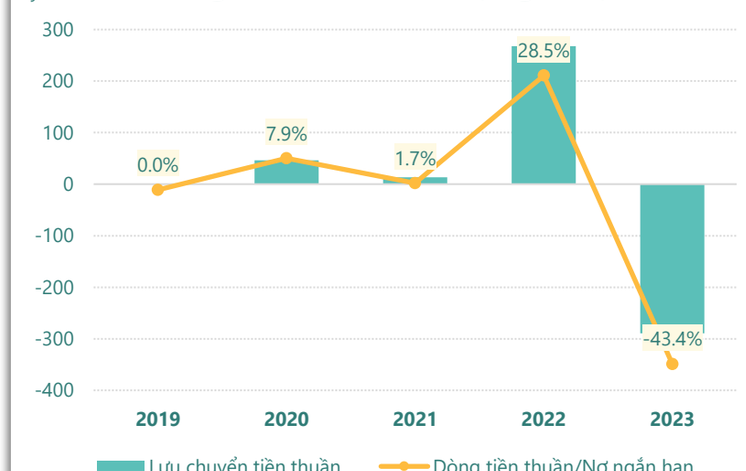
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**445**	**542**	**-17.9%**	**2,039**	**2,383**	**-14.4%**
Giá vốn hàng bán	358	450	-20.5%	1,737	1,969	-11.8%
Lợi nhuận gộp	87.5	92.1	-5.0%	303	414	-26.9%
Doanh thu HĐTC	8.27	6.99	18.3%	36.3	48.9	-25.8%
Chi phí TC	5.13	13.9	-63.1%	50.2	58.8	-14.6%
Chi phí lãi vay	4.91	13.0	-62.2%	45.9	43.5	5.5%
LN trong công ty LKLD	**-0.43**	**-2.94**	**85.4%**	**-5.49**	**0.01**	**-54643%**
Chi phí bán hàng	23.8	24.6	-3.3%	92.6	189	-51.1%
Chi phí QLDN	**17.8**	**16.4**	**8.7%**	**73.6**	**68.6**	**7.3%**
LN thuần từ HĐKD	48.6	41.4	17.3%	117	146	-19.9%
Lợi nhuận khác	**0.33**	**0.55**	**-40.6%**	**3.47**	**-0.82**	**523%**
LN trước thuế	48.9	42.0	16.4%	121	145	-17.0%
Lợi nhuận sau thuế	**40.6**	**32.6**	**24.5%**	**96.2**	**112**	**-14.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**40.0**	**32.6**	**22.6%**	**95.1**	**112**	**-15.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.22	-7.52	80.6	153	92.1	40.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	239	-310	5.87	66.5	-121	-7.17
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-33.9	28.6	-48.5	-239	9.95	6.17
Tiền đầu kỳ	148	357	68.6	107	86.6	68.3
Lưu chuyển tiền thuần	**209**	**-288**	**38.0**	**-20.0**	**-18.7**	**39.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.69	0	0.01	-0.01	0.46	0
Tiền cuối kỳ	357	68.6	107	86.6	68.3	108

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,136**	**2,077**	**2.9%**
Tài sản ngắn hạn	908	834	8.9%
Tiền và tương đương tiền	108	68.3	58.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	98.6	200	-50.7%
Phải thu ngắn hạn	404	295	37.1%
Hàng tồn kho	261	231	13.0%
Tài sản ngắn hạn khác	36.3	39.7	-8.5%
Tài sản dài hạn	**1,228**	**1,243**	**-1.2%**
Phải thu dài hạn	6.40	5.36	19.4%
Tài sản cố định	785	799	-1.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.69	1.91	-11.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	298	299	-0.4%
Tài sản dài hạn khác	**137**	**138**	**-0.7%**
Lợi thế thương mại	0	0.20	-100%
Nợ phải trả	722	703	2.7%
Nợ ngắn hạn	**670**	**666**	**0.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	455	449	1.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	136	126	7.8%
Nợ dài hạn	52.5	37.1	41.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	52.5	37.1	41.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,414**	**1,373**	**3.0%**
Vốn chủ sở hữu	**1,414**	**1,373**	**3.0%**
Vốn điều lệ	729	729	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)